

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Q
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2023/DS-ST;
Ngày: 14/4/2023.
V/v tranh chấp “Hợp đồng
vay tài sản”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH TIỀN GIANG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Nhung.

2/ Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Võ Thị Kiều, thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 14 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2023/TLST-DS ngày 07 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2023/QĐXX-ST ngày 29/3/2023 các đương sự:

** Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Ngọc M – sinh năm 1972.

Địa chỉ: ấp M, xã N, thành phố Q, tỉnh Tiền Giang.

** Bị đơn:* Ông Lâm Quang T – sinh năm 1959.

Địa chỉ: Số 240D Xóm Dầu, Phường B, thành phố Q, Tiền Giang.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh Lâm Thanh B – sinh năm 1993.

Địa chỉ: Số 240D Xóm Dầu, Phường B, thành phố Q, Tiền Giang.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc M trình bày: Trước đây, anh Lâm Thanh B là con rể bà, ông Lâm Quang T là xui gia với bà. Ngày 01/11/2021, bà có cho anh B và ông T vay 80.000.000 đồng để ông T và anh B trả nợ gia đình. Do bà không có tiền mặt nên bà đã đi vay vốn của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh thành phố Q - để cho anh B và T mượn lại số tiền 80.000.000 đồng. Khi bà cho anh B và ông T mượn tiền thì anh B và ông T hứa với bà sẽ trả dần hàng tháng cho Ngân hàng mỗi tháng trả 3.000.000 đến 4.000.000 đồng tiền vốn và tiền lãi, trả trong vòng hai năm. Hai bên chỉ thỏa thuận miệng, không có viết biên nhận.

Do anh B không thực hiện nghĩa vụ trả vốn và đóng lãi hàng tháng cho Ngân hàng nên ngày 28/6/2022 âm lịch, ông T đứng ra nhận thay anh B để trả số tiền vay trên cho bà. Việc thoả thuận ông T có viết biên nhận và ký tên vào biên nhận cho bà, ông T thoả thuận miệng đến tháng 08/2022 âm lịch (thời điểm ông T được nhận tiền giải toả đền bù ngôi nhà và đất) thì ông T sẽ trả tiền cho bà. Tuy nhiên khi đến hạn trả tiền, ông T không thực hiện. Đồng thời cho đến nay, nhà và đất của ông T vẫn chưa được đền bù.

Nay bà yêu cầu ông T và anh B liên đới trả cho bà số tiền vốn là 80.000.000 đồng, cộng với tiền lãi theo lãi suất 0.83%/tháng tính từ ngày 28/6/2022 âm lịch cho đến khi xét xử sơ thẩm, tạm tính đến ngày khởi kiện là 1.992.000 đồng; tổng cộng vốn và lãi là 81.992.000 đồng, thực hiện khi án hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn ông Lâm Quang T trình bày: Ông là cha của của anh Lâm Thanh B. Ông xác định năm 2021, ông không có vay mượn tiền của bà M. Khoảng tháng 06/2022, bà M nhiều lần điện thoại cho ông để yêu cầu anh B trả tiền. Lúc này ông mới biết anh B có hỏi mượn bà M 80.000.000 đồng. Do con trai không có khả năng trả tiền cho bà M nên ngày 24/6/2022, ông có viết biên nhận nợ cho bà M để nhận số nợ 80.000.000 đồng mà B mượn của bà M, ông cam kết trả 80.000.000 đồng cho bà M, không thoả thuận việc trả lãi. Thời điểm viết giấy nợ cho bà M, nhà và đất của ông đang nằm trong khu giải tỏa đền bù nên ông có hứa với chị M khi nào ông nhận được tiền giải tỏa đền bù sẽ trả tiền cho bà M, thời điểm viết biên nhận nợ ông có nghe nói đến khoảng tháng 8/2022 sẽ có tiền giải tỏa đền bù. Tuy nhiên cho đến nay, Nhà nước vẫn chưa đền bù nhà và đất cho ông nên ông chưa trả tiền vốn cho bà M được.

Nay ông chỉ đồng ý trả cho bà M 80.000.000 đồng tiền vốn khi ông nhận tiền đền bù; về tiền lãi ông chỉ đồng ý trả lãi theo phán quyết của Tòa án từ ngày xét xử đến ngày ông trả tiền, còn khoản lãi từ ngày viết biên nhận nợ đến ngày Tòa xử thì ông không đồng ý.

* Người liên quan anh Lâm Thanh B trình bày: Trước đây, anh là con rể của bà M nhưng ngày 29/7/2022 anh và con của bà M đã ly hôn. Khoảng tháng 11/2021, anh có mượn bà M 80 triệu đồng để trả nợ. Khi mượn tiền, anh và bà M thỏa thuận hàng tháng anh sẽ trả 2.000.000 đồng tiền vốn và tiền lãi cho Ngân hàng theo lãi theo lãi suất Ngân hàng mà bà M đã đi vay, trả trong vòng 02 năm. Từ khi mượn, anh trả được 2.000.000 đồng tiền lãi rồi ngưng cho tới nay, do anh bị tai nạn, không đi làm để có thu nhập. Ngày 24/6/2022, ông T có làm biên nhận cho bà M và cam kết đứng ra trả nợ thay anh, khi ông T viết biên nhận cho bà M thì anh không biết, viết xong ông T mới nói với anh.

Nay với yêu cầu khởi kiện của bà M, anh đồng ý liên đới với ông T trả cho bà M số tiền vốn 80.000.000 đồng khi nào gia đình anh nhận giải tỏa đền bù, về tiền lãi anh chỉ đồng ý trả lãi theo phán quyết của Tòa án từ ngày xét xử đến ngày anh và ông T trả tiền, còn khoản lãi từ ngày viết biên nhận nợ đến ngày Tòa xử anh không đồng ý.

* Tại phiên tòa:

Bà M yêu cầu ông T và anh B trả cho bà M số tiền vốn là 80.000.000 đồng và tiền lãi là 7.000.000 đồng, tổng cộng là 8.700.000 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Ông T và anh B đồng ý trả cho bà M 80.000.000 đồng tiền vốn khi gia đình nhận tiền đền bù; về tiền lãi ông T và anh B chỉ đồng ý trả 500.000 đồng/tháng tiền lãi theo phán quyết của Tòa án từ ngày xét xử đến ngày trả xong nợ gôca, còn khoản lãi từ ngày viết biên nhận nợ đến ngày Tòa xử không đồng ý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà M yêu cầu ông T và anh B trả cho bà M số tiền vốn là 80.000.000 đồng và tiền lãi vay vào năm 2022. Do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Ông T đang cư trú số 240D Xóm Dầu, Phường 3, thành phố Q, Tiền Giang nên Tòa án nhân dân thành phố Q có thẩm quyền giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của bà M, Tòa xét thấy:

Căn cứ vào Biên nhận nợ đề ngày 24/6/2022 do nguyên đơn cung cấp và lời thời nhận của ông T có đủ cơ sở xác định ngày 24/6/2022 ông T có vay của bà M số tiền là 80.000.000 đồng.

[3.1] Về thời hạn vay tiền:

Theo nội dung biên nhận thể hiện thời hạn trả tiền vốn là khi ông T nhận được tiền đền bù nhà đất từ Nhà nước.

Theo bà M trình bày thì hai bên thoả thuận miệng đến tháng 08/2022 âm lịch ông T sẽ trả tiền vay cho bà M vì khi ông T đứng ra nhận nợ cho anh B thì căn nhà và đất của ông T đang trong diện giải toả đền bù và ông T nói đến tháng 08/2022 Nhà nước sẽ đền bù nhà và đất cho ông.

Theo ông T trình bày thì khi viết biên nhận, ông T cam kết với bà M sẽ trả tiền cho bà M khi ông T nhận được tiền đền bù nhà đất từ Nhà nước. Hiện tại đến nay, Nhà nước vẫn chưa đền bù cho ông nên ông chưa trả tiền cho bà M. Đồng thời ông T cũng xác định khi viết biên nhận nợ cho bà M, ông T cũng nghe thông tin khoảng tháng 08/2022 âm lịch Nhà nước sẽ trả tiền đền bù cho ông.

Xét thấy, căn cứ biên nhận ngày 24/6/2022 thể hiện thời hạn trả tiền vốn là khi ông T nhận được tiền đền bù nhà đất từ Nhà nước. Tuy nhiên, ông T cũng thừa nhận khi viết biên nhận nợ cho bà M, ông T cũng nghe thông tin khoảng tháng 08/2022 âm lịch Nhà nước sẽ trả tiền đền bù cho ông nhưng đến nay Nhà nước vẫn chưa đền bù cho ông. Lời thừa nhận của ông T phù hợp với lời trình bày của bà M về thời hạn vay tiền là đến tháng 8/2022 âm lịch. Do đó Tòa án có

đủ cơ sở xác định thời hạn vay tiền mà hai bên thoả thuận miệng là đến tháng 08/2022 âm lịch. Do các đương sự không xác định rõ ngày nào của tháng nên Toà án xác định ngày cuối cùng của tháng là ngày 30/8/2022 âm lịch nhằm ngày 25/9/2022 dương lịch.

Ông T vay tiền của bà M, khi đến hạn không trả tiền vốn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Do đó yêu cầu khởi kiện của bà M là có cơ sở nên Toà án chấp nhận.

[3.2] Về lãi suất:

Theo lời trình bày của ông T và nội dung biên nhận thể hiện khi vay tiền hai bên không có thoả thuận về lãi suất. Bà M trình bày giữa bà M và ông T có thoả thuận về lãi suất theo lãi suất Ngân hàng cho bà M vay. Tuy nhiên phía ông T không thừa nhận, đồng thời bà M không có tài liệu chứng cứ chứng minh. Do đó Toà án xác định hợp đồng vay tiền ngày 24/6/2022 giữa bà M và ông T là hợp đồng vay không có lãi.

Do đó số tiền lãi mà ông T có nghĩa vụ trả cho bà M được xác định như sau: $80.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times [\text{từ ngày } 26/9/2022 \text{ đến ngày } 14/4/2023] = 4.333.000 \text{ đồng}$.

Tại phiên toà, bà M yêu cầu ông T trả lãi với số tiền là 7.000.000 đồng, xét thấy yêu cầu tính lãi của bà M chỉ phù hợp một phần nhận định trên nên Toà án chỉ chấp nhận một phần yêu cầu tính lãi

Như vậy, tổng số tiền vốn và lãi ông T có nghĩa vụ trả cho bà M là: $80.000.000 \text{ đ} + 4.333.000 \text{ đ} = 84.333.000 \text{ đồng}$.

[4] Về trách nhiệm liên đới: Tại phiên toà cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, anh B đồng ý liên đới cùng ông T để trả nợ cho bà M nên Toà án chấp nhận, buộc anh B có nghĩa vụ liên đới với ông T trả cho bà M số tiền vốn là 80.000.000 đồng, tiền lãi là 4.333.000 đồng, tổng cộng là 84.333.000 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về án phí:

Do yêu cầu của bà M được chấp nhận nên ông T và anh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Hoàn tạm ứng án phí cho bà M.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 463, 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc M.

Buộc ông Lâm Quang T và anh Lâm Thanh B có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Ngọc M số tiền vốn là 80.000.000 đồng, tiền lãi là 4.333.000 đồng, tổng

cộng là 84.333.000 đồng (Tám mươi bốn triệu ba trăm ba mươi ba ngàn đồng), thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc M đối với ông Lâm Quang T và anh Lâm Thanh B với số tiền lãi là 2.667.000 đồng.

3. Về án phí:

Ông Lâm Quang T và anh Lâm Thanh B phải 4.217.000 đồng (Bốn triệu hai trăm mười bảy ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị Ngọc M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.050.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0023333 ngày 07/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q. Hoàn lại cho bà Trần Thị Ngọc M số tiền là 1.750.000 đồng (Một triệu bảy trăm năm chục ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND thành phố Q;
- Chi cục THADS thành phố Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn (8b).

(Đã ký)

Cao Thị Thu Thủy